KB Securities VIETNAM

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]
TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới khi các nhà đầu tư chờ đợi số liệu kinh tế Mỹ và lo ngại tác động địa chính trị tại Afghanistan

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]
¾ HĐTL giảm điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]
STK, CTG

[Cập nhật công ty]
NLG, KBC

[Quan điểm đầu tư]
NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ trạng thái trung hạn tương ứng với khả năng vượt đỉnh thành công, tạm đóng các vị thế ngắn hạn còn lại trong danh mục khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập.

17/08/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,363.09	-0.57
VN30	1,494.12	-0.44
HĐTL VN30F1M	1,493.00	-0.67
HNXIndex	343.11	-0.12
HNX30	571.74	-0.39
UPCoM	94.20	+0.17
USD/VND	22,836	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.08	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.80	+8
Dầu (WTI, $)	66.78	-0.76
Vàng (LME, $)	1,793.40	+0.33

Điểm nhấn thị trường

VNIndex	**1,363.09 (-0.57%)**
KLGD (triệu CP)	**768.6 (-2.8%)**
GTGD (triệu U$)	**1,128.7 (-6.3%)**
HNXIndex	**343.11 (-0.12%)**
KLGD (triệu CP)	**173.7 (-11.2%)**
GTGD (triệu U$)	**200.3 (+3.7%)**
UPCoM	**94.20 (+0.17%)**
KLGD (triệu CP)	**82.5 (-18.6%)**
GTGD (triệu U$)	**67.8 (-17.0%)**
NĐTNN mua ròng (triệu U$) -61.4	

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới khi các nhà đầu tư chờ đợi số liệu kinh tế Mỹ và lo ngại tác động địa chính trị tại Afghanistan. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), tình hình đi lại khó khăn giữa các địa phương khiến hoạt động thả nuôi vụ hai có xu hướng trầm lắng và dự báo quý IV năm nay sẽ thiếu nguyên liệu tôm trầm trọng, giá tiêu thụ sẽ tăng mạnh, nhất là tôm cỡ lớn khiến cổ phiếu ngành thủy sản giảm giá ở MPC (-3%), FMC (-0.9%). Theo thông tin từ Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, nước này sản xuất 86.8 triệu tấn thép thô trong tháng 7, giảm 7,6% so với tháng 6 và 8.4% so với cùng kỳ năm ngoái tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm thép ở NKG (+5.1%), HPG (+1.9%). Giá dầu tiếp tục giảm trước lo ngại tốc độ hồi phục kinh tế và chờ đợi số liệu bán lẻ của Mỹ khiến cổ phiếu nhóm dầu khí giảm giá ở GAS (-1.9%), PLX (-1%). KHối ngoại bán ròng ở VHM (-4.3%), VIC (+0.5%), HPG (+1.9%).

VNIndex & HNXIndex

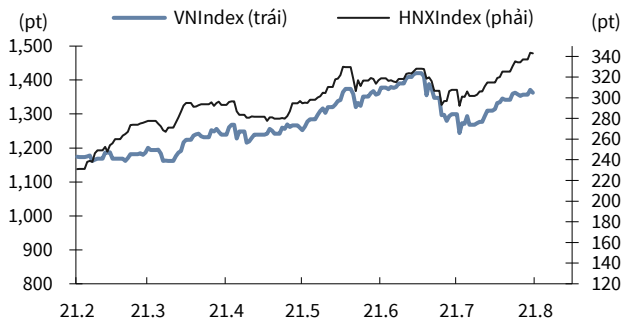

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành

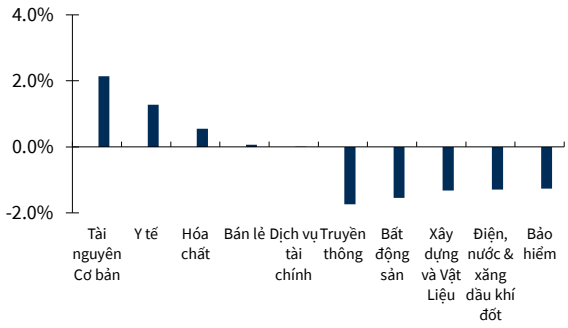

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm

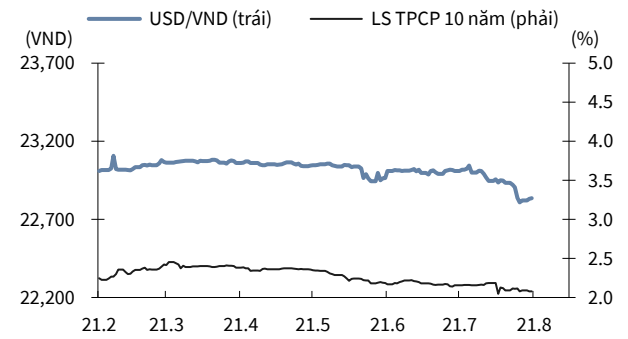

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng

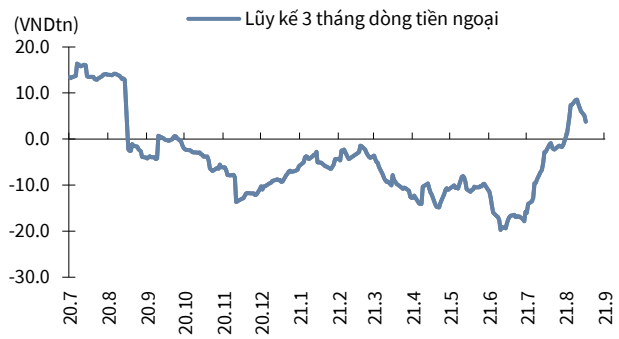

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,494.12 (-0.44%)
VN30F1	1,493.0 (-0.67%)
Mở cửa	1,507.8
Cao nhất	1,508.5
Thấp nhất	1,487.5
KLGD (HĐ)	216,291 (+25.0%)

¾ HĐTL giảm điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2108 và VN30 mở cửa ở mức 2.2, sau đó biến động mạnh với biên độ rộng trong khoảng -6.7 và 6.9 trong phiên, và đóng cửa ở mức -1.1. NĐTNN bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản tăng nhẹ.

HĐTL VN30F1M & VN30

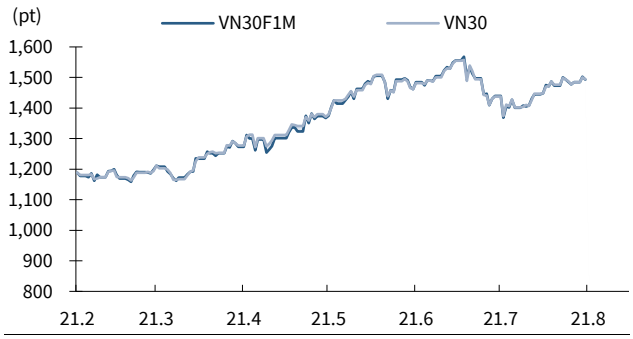

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30

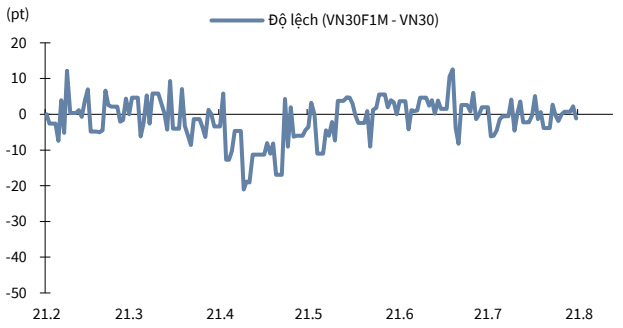

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở

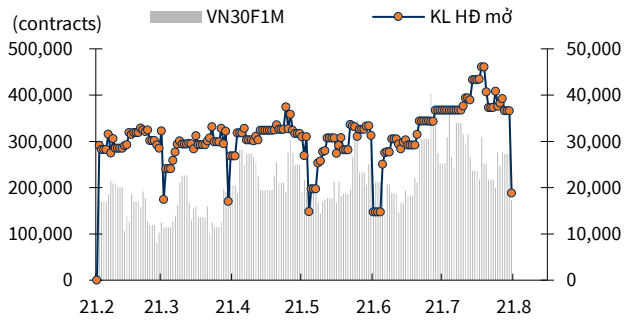

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn

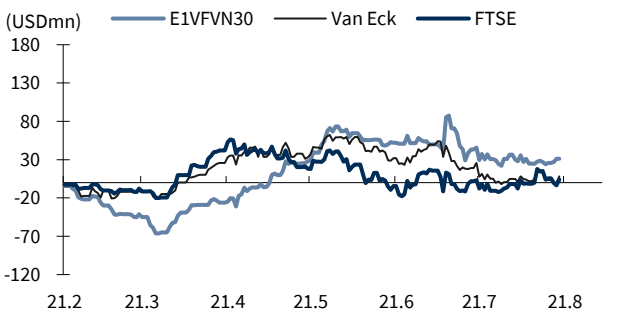

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long (NLG)

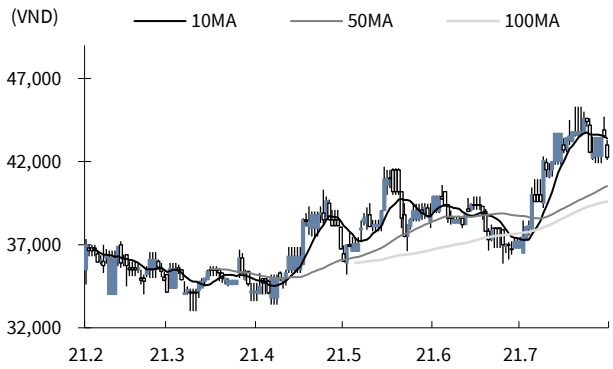

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NLG giảm 2.9% xuống 42,2500 VND/cp

- Đầu tư Nam Long thông qua phát hành 60 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư với giá 33,500 đồng/cp, tương đương số tiền huy động dự kiến đạt 2,010 tỷ đồng để nhận chuyển nhượng dự án PG Hải Phòng và tài trợ một phần vốn đầu tư dự án Akari.

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC)

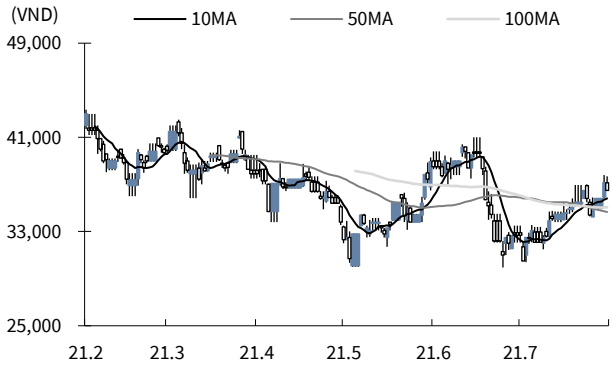

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC giảm 1.7% xuống 36,500 VND/cp

- Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc thông qua việc tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị Tràng Cát thêm từ 1,500 tỷ đồng đến 3,000 tỷ đồng, trong thời gian dự kiến từ quý III đến hết quý I/2022. Mục đích tăng vốn để bổ sung nguồn lực tài chính đáp ứng việc triển khai dự án đầu tư xây dựng và dịch vụ khu độ thị Tràng Cát.

COMPANY REPORT

KB Securities VIETNAM

CTCP Sợi Thế Kỷ(STK)

Triển vọng tích cực trong trung và dài hạn

17/08/2021

Chuyên viên chiến lược đầu tư: Trần Thị Phương Anh
anhttp@kbsec.com.vn

Kết quả kinh doanh Q2/2021 tăng mạnh so với cùng kỳ

STK công bố KQKD Q2/2021 với lợi nhuận đạt 70.7 tỷ đồng, gấp hơn 27 lần cùng kỳ và doanh thu đạt 510 tỷ đồng (+103% YoY) nhờ tăng ở cả sản lượng và giá bán; tăng tỷ trọng mảng sợi tái chế và chênh lệch giữa giá bán và giá nguyên liệu tăng giúp cải thiện biên lợi nhuận gộp.

Dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần thứ 4 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của STK

Làn sóng Covid-19 bùng phát lần thứ 4 gây tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động vận chuyển hàng hóa cũng trở nên khó khăn. Từ ngày 15/7/2021, công ty đã thực hiện "3 tại chỗ" tại nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi để đảm bảo duy trì khoảng 70% công suất sản xuất.

Nhà máy sợi Unitex với công suất 60,000 tấn tạo động lực tăng trưởng mạnh mẽ về dài hạn

STK đã thông qua đầu tư dự án nhà máy sợi Unitex để sản xuất sợi tái chế và các loại sợi có giá trị gia tăng cao với công suất 60,000 tấn giúp tăng công suất nhà máy lên gấp 2 lần. Dự án có vốn đầu tư ước tính 2,870 tỷ đồng được tài trợ từ 70% vốn vay và 30% vốn chủ, chia thành 2 giai đoạn.

Khuyến nghị NẮM GIỮ với STK, giá mục tiêu 54,100VND/CP

Chúng tôi khuyến nghị NẮM GIỮ với STK, giá mục tiêu 54,100VND/CP. Chúng tôi đánh giá cao triển vọng kinh doanh STK trong dài hạn khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát. Năm 2021, chúng tôi dự phóng kết quả kinh doanh với lợi nhuận 279.7 tỷ đồng (+93.8% YoY) và doanh thu đạt 2,250.6 tỷ đồng (+27.5% YoY)

NẮM GIỮ

Giá mục tiêu	VND 54,100
Tăng/giảm (%)	13.3
Giá hiện tại (17/08/2021)	47,800
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ)	3,210

Dữ liệu giao dịch

Tỷệ CP tự do chuyển nhượng (%)	53.7%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	2.2/0.1
Sở hữu nước ngoài (%)	12.44%
Cổ đông lớn nhất	CTCP Tư vấn Đầu tư Hướng Việt 20.73%

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	26	45	80	220
Tương đối	17	42	63	160

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2018A	2019A	2020A	2021F
Doanh số thuần (tỷ VND)	2,408	2,229	1,766	2,251
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	202	248	164	317
Lợi nhuận CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	178	214	144	280
EPS (VND)	2,976	3,032	2,041	3,955
Tăng trưởng EPS (%)	79	2	-33	94
P/E (x)	16.13	15.83	23.52	12.14
P/B (x)	3.16	3.13	3.14	2.49
ROE (%)	20	20	13	21
Tỷ suất cổ tức (%)	6.9	7.7	7.7	3.1

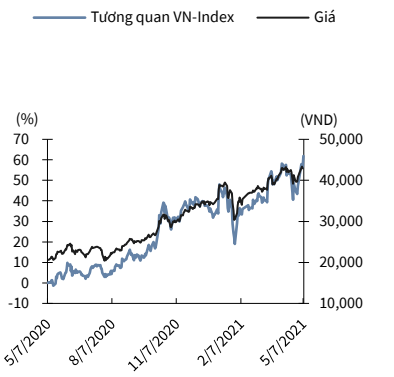

COMPANY REPORT

KB Securities VIETNAM

VietinBank (CTG)

Đẩy mạnh trích lập trong 2Q2021

08/17/2021

Chuyên viên phân tích Tài chính & Công nghệ
Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

2Q2021, LNST đạt 2,239 tỷ VND, giảm 38.0% YoY

2Q2021, CTG có thu nhập lãi thuần đạt 10,879 tỷ VND (+2.2% QoQ, +39.5% YoY); TOI đạt 14,083 tỷ VND (+9.0% QoQ, +41.2% YoY). Tuy nhiên, chi phí dự phòng tăng mạnh, đạt 7,106 tỷ VND, (+221% YoY, +426% QoQ) khiến cho LNST 2Q2021 chỉ đạt 2,239 tỷ VND (-65.4% QoQ, -38.0% YoY).

Tỷ lệ nợ xấu đạt 1.34% tăng 46 bps QoQ do nợ nhóm 5 tăng mạnh

Tỷ lệ nợ xấu 2Q2021 đạt 1.34%, tăng 46bps QoQ, chủ yếu do nợ nhóm 5 tăng đột biến 59bps QoQ. Theo thông tin từ phía CTG, đây là phần nợ xấu tương ứng của một doanh nghiệp lớn, chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 tuy nhiên không thuộc đối tượng được áp dụng cơ cấu nợ theo thông tư 01/2020 và 03/2021.

CTG dự kiến trích lập hết dự phòng nợ tái cơ cấu theo thông tư 03/2021

Trong 2H2021, CTG đặt mục tiêu NPL < 1.5%, tăng trưởng tín dụng hiện tại đã đạt gần biên độ NHNN đặt ra là 7.5% và kì vọng nới được tăng trưởng trong thời gian tới. Ngoài ra, CTG dự định trích lập hết phần dự phòng cho nợ tái cơ cấu theo thông tư 03 trong năm 2021.

Kì vọng ghi nhận Upfront fee vào 4Q2021

Trong trường hợp thuận lợi, CTG có thể bắt đầu ghi nhận Upfront fee từ hợp tác độc quyền phân phối bảo hiểm với Manulife vào 4Q2021 hoặc muộn hơn vào 1Q2022 sau khi Manulife hoàn tất mua lại Aviva.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 40,600 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu CTG. Giá mục tiêu là 40,600 VND/cp, cao hơn 17.3% so với giá tại ngày 17/08/2021.

MUA

Giá mục tiêu	VND 40,600
Tăng/Giảm	17.3%
Giá hiện tại (17/08/2021)	VND 34,600
Giá mục tiêu thị trường	VND 44,900
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	168,681

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	15.81%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/triệu USD)	561/24.2
Sở hữu nước ngoài (%)	24.45%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (64.46%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	6	-14	20	89
Tương đối	-3	-17	4	30

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2019A	2020A	2021F	2022F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VNĐ)	33,199	35,581	40,585	44,257
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VNĐ)	24,785	29,219	33,816	36,749
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VNĐ)	9,461	13,679	16,791	23,912
EPS (VNĐ)	2,541	3,674	3,494	4,976
Tăng trưởng EPS (%)	79%	45%	-5%	42%
PER (x)	17.2	11.9	12.5	8.8
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	20,775	22,935	20,769	25,357
PBR (x)	2.11	1.91	2.11	1.73
ROE (%)	13.1%	16.9%	18.2%	21.7%
Tỷ suất cổ tức tiền mặt (%)			1.14%	1.14%

Nguồn: Bloomberg, KBSV

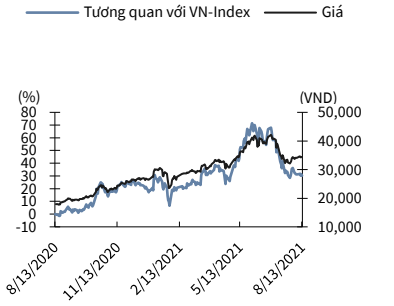

Nguồn: Bloomberg, KBSV

Chuyên viên chiến lược đầu tư
Thái Hữu Công
congth@kbsec.com.vn

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

— Sau nỗ lực vượt qua vùng đỉnh ngắn hạn không thành công, VNIndex đảo chiều giảm điểm trước khi hồi phục, lấy lại một phần điểm số đã mất.

— Chúng tôi nhận định chỉ số vẫn còn cơ hội tiếp tục đà tăng và thử thách lại vùng đỉnh cũ tuần trước. Mặc dù vậy, áp lực chốt lời sau nhịp tăng mạnh và sự hình thành của mẫu nến engulfing tiêu cực cho thấy rủi ro giảm điểm đang có phần lấn át. Vùng hỗ trợ gần quanh 1345 (+-5) sẽ đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý của chỉ số

— NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ trạng thái trung hạn tương ứng với khả năng vượt đỉnh thành công, tạm đóng các vị thế ngắn hạn còn lại trong danh mục khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập.

Chỉ số VN30

Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)

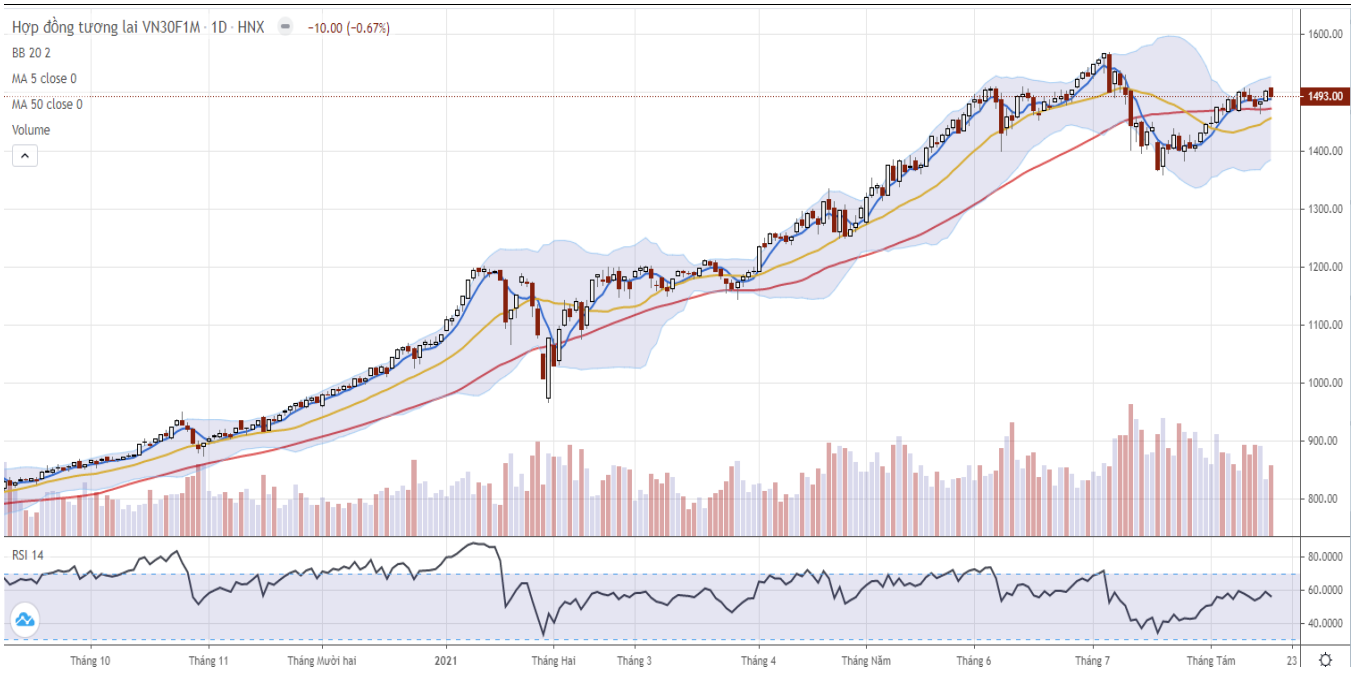

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên	
Kháng cự xa:	1514 - 1516
Kháng cự gần:	1502 - 1507
Hỗ trợ gần:	1486 - 1489
Hỗ trợ xa:	1478 - 1481

— Sau nỗ lực vượt qua vùng đỉnh ngắn hạn không thành công, F1 đảo chiều giảm điểm giằng co trước khi hồi phục, lấy lại một phần điểm số đã mất.

— Chúng tôi nhận định chỉ số vẫn còn cơ hội tiếp tục đà tăng và thử thách lại vùng đỉnh cũ tuần trước. Mặc dù vậy, rủi ro giảm sâu cần được tính đến nếu F1 đánh mất vùng hỗ trợ quan trọng quanh 147x.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục trading linh hoạt 2 chiều, chỉ ưu tiên mở LONG nếu F1 vượt cản thành công.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế qua đêm đã mở trở lại và chỉ đóng khi chỉ số đánh mất hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.44%	-0.51%
Tăng lũy kế (YTD)	39.54%	46.95%

So sánh hiệu suất với VN30 Index

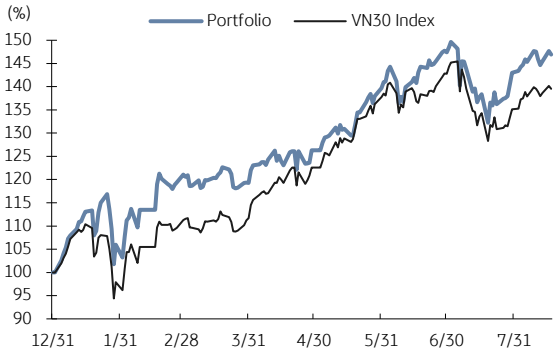

Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 17/08/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	169,900	-0.1%	46.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	42,250	-2.9%	77.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	95,500	1.1%	23.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	31,200	0.6%	146.3%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặ nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	56,600	0.2%	66.2%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,800	-0.8%	225.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	34,600	-1.4%	85.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	92,400	-1.9%	28.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	50,400	1.9%	241.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	36,500	-1.7%	171.2%	- Giá bán khu độ thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HSG	4.5%	10.5%	33.8
DCM	1.1%	2.0%	26.2
DGC	2.2%	7.0%	21.5
DGW	0.9%	26.8%	16.0
STB	-0.5%	16.0%	15.3
Mã	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
VHM	-4.3%	23.8%	-510.2
VIC	0.5%	15.0%	-245.7
HPG	1.9%	26.6%	-163.6
GAS	-1.9%	2.7%	-57.9
DPM	-1.5%	12.8%	-46.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	0.7%	3.8%	7.0
DXS	-2.4%	19.1%	6.5
PAN	-5.0%	34.4%	4.3
TVB	3.5%	0.2%	2.6
SHS	-2.3%	9.1%	1.1
Ticker	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
VND	-0.8%	18.6%	-41.3
PVS	2.7%	7.5%	-13.3
CDN	-9.9%	21.6%	-7.2
BVS	-1.5%	9.3%	-1.4
IDJ	-3.7%	2.7%	-2.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	5.8%	GVR, DPM
Dịch vụ tài chính	5.4%	VCI, FTS
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.2%	TLG, MSH
Xây dựng và Vật Liệu	2.1%	HT1, PC1
Tài nguyên Cơ bản	2.0%	HPG, HSG
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Truyền thông	-6.5%	YEG, ADG
Dầu khí	-3.5%	PLX, PVD
Công nghệ thông tin	-2.6%	FPT, CMG
Bất động sản	-2.3%	VHM, VIC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.2%	GAS, BWE

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	28.9%	GVR, DPM
Dịch vụ tài chính	26.4%	SSI, VND
Tài nguyên Cơ bản	14.9%	HPG, HSG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	14.0%	GMD, GEX
Xây dựng và Vật Liệu	13.6%	HT1, VGC
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Truyền thông	2.1%	PNC, YEG
Y tế	4.9%	IMP, DHG
Thực phẩm và đồ uống	5.7%	SAB, HNG
Dầu khí	5.9%	PVD, PLX
Du lịch và Giải trí	6.8%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, - 1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	284,124 (12.4)	22.5	60.4	59.6	14.7	9.3	8.2	4.2	3.8	0.6	-1.5	5.2	2.8
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	767,438 (33.5)	26.6	12.0	10.6	35.9	30.3	27.7	3.2	2.5	-4.3	-5.1	1.8	24.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	140,720 (6.1)	17.8	26.5	19.5	-7.6	7.5	10.0	2.1	1.9	-1.6	-1.1	1.3	-10.7
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	282,799 (12.3)	31.3	35.5	28.2	6.7	16.2	13.0	4.4	4.3	-0.6	-1.3	-1.3	114.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	215,648 (9.4)	11.6	22.8	16.3	18.0	13.4	16.2	2.7	2.3	-1.2	-1.7	11.5	54.7
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	141,322 (6.2)	13.9	14.0	8.4	-	14.0	18.2	1.6	1.4	0.0	2.8	10.2	49.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	151,710 (6.6)	6.3	17.0	14.2	11.7	21.1	20.9	3.2	2.6	0.4	2.0	-1.5	3.2
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	87,279 (3.8)	12.7	18.3	13.4	-5.3	12.0	14.6	1.9	1.7	-0.8	-0.8	1.1	-10.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	897,713 (39.1)	0.0	11.3	9.6	14.3	20.2	19.7	2.1	1.7	-1.3	1.9	3.3	69.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	537,658 (23.4)	1.4	9.0	7.5	61.1	19.9	20.1	2.0	1.7	-1.4	-0.1	-0.1	29.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	637,961 (27.8)	0.0	10.1	10.7	18.8	24.5	18.2	2.0	1.7	-0.8	7.6	0.9	100.3
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	444,917 (19.4)	0.0	10.5	8.8	14.6	21.6	21.2	1.9	1.6	0.6	5.2	7.2	84.8
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	98,372 (4.3)	4.2	10.4	8.6	23.3	21.5	20.9	1.9	1.6	0.0	0.6	6.9	50.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	802,428 (35.0)	14.0	23.2	15.6	26.5	8.9	11.8	1.8	1.6	-0.5	-1.5	6.0	78.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	210,967 (9.2)	0.0	8.7	7.1	37.5	22.2	21.5	1.7	1.4	0.7	3.8	10.2	39.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	13,268 (0.6)	0.2	38.4	20.9	27.3	5.8	10.0	1.8	1.7	0.0	-0.6	-1.7	37.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	43,765 (1.9)	21.0	23.2	20.6	15.2	8.4	9.0	1.9	1.8	-1.1	0.4	5.1	-18.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	33,976 (1.5)	14.2	12.4	-	9.1	13.1	-	1.6	-	-1.3	2.9	10.2	37.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	800,115 (34.9)	55.4	30.6	24.9	-3.2	14.1	14.5	4.5	4.2	-1.3	3.2	16.1	85.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	296,602 (12.9)	71.9	20.2	14.8	-4.0	22.5	25.3	4.1	3.5	1.6	8.6	18.8	112.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	292,964 (12.8)	52.4	22.1	16.7	-25.5	19.1	21.4	3.6	3.3	-1.3	6.4	15.1	75.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	487,246 (21.3)	27.2	11.5	19.5	36.3	21.3	17.0	3.9	3.5	-0.8	2.7	28.9	180.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	287,712 (12.5)	42.1	18.4	17.1	4.0	32.5	33.6	5.7	5.4	-0.2	-0.1	4.0	-17.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	28,528 (1.2)	36.9	18.6	16.2	7.3	24.2	24.4	4.0	3.6	-4.0	-5.6	-7.9	-25.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	177,719 (7.7)	16.5	48.8	28.8	-51.9	14.5	20.9	7.9	6.2	-0.7	-4.3	10.0	49.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	71,548 (3.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.1	-5.1	-16.5	-49.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	60,592 (2.6)	11.0	156.4	24.0	-88.5	3.8	16.6	3.4	2.8	0.0	-1.2	1.6	-6.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	193,456 (8.4)	10.8	28.1	19.8	-57.0	8.5	12.0	2.3	2.2	-1.1	-4.6	17.0	47.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	37,650 (1.6)	38.4	14.1	8.5	65.7	11.1	9.9	1.0	1.0	-2.7	4.7	12.5	-15.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	55,407 (2.4)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.0	-1.7	5.2	109.1
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	124,569 (5.4)	37.7	16.9	11.8	-12.7	12.7	13.8	-	-	-0.8	-3.5	8.2	32.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	27,689 (1.2)	3.6	17.9	12.7	-52.4	3.5	4.7	0.6	0.6	-0.6	3.4	11.5	-13.6
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	32,488 (1.4)	0.0	10.3	8.9	-4.5	13.3	13.8	1.3	1.3	0.2	1.3	9.1	15.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	82,743 (3.6)	46.1	18.4	15.7	-17.5	19.2	20.4	3.3	3.1	-1.9	-3.8	2.7	6.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	7,919 (0.3)	31.4	15.8	10.5	-10.5	8.8	13.6	1.4	1.4	-0.5	-0.8	0.0	-22.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	5,057 (0.2)	34.1	18.2	10.8	-5.1	7.9	13.9	1.5	1.5	1.3	-2.5	-0.4	-4.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,272,581 (55.5)	18.0	7.8	7.7	21.9	38.6	28.5	2.5	1.9	1.9	2.0	7.8	64.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	150,825 (6.6)	36.5	15.2	20.0	-0.5	11.7	8.6	1.6	1.5	-1.5	10.4	69.0	91.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	127,285 (5.6)	46.5	18.8	17.9	-4.5	11.3	10.9	2.0	1.9	1.1	3.7	35.4	69.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	462,902 (20.2)	38.9	5.0	6.8	67.9	38.5	24.7	1.8	1.4	4.5	2.7	12.1	97.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	104,950 (4.6)	97.2	10.8	11.0	17.2	10.3	9.9	1.1	1.1	-1.7	2.0	12.4	22.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	80,947 (3.5)	4.6	18.7	15.8	-51.0	16.2	16.6	2.6	2.6	-1.0	-4.1	1.0	-5.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	117,872 (5.1)	39.9	58.9	17.7	-11.9	0.9	3.3	0.6	0.6	2.1	1.0	3.4	22.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	90,261 (3.9)	35.9	10.3	10.0	1.2	13.6	13.4	1.4	1.3	2.4	12.6	26.4	65.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	187,167 (8.2)	0.0	16.4	13.2	13.7	25.8	26.7	4.0	3.4	-0.1	-2.3	1.1	42.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	50,900 (2.2)	0.0	17.1	13.7	2.4	23.4	24.0	3.5	3.0	1.1	-0.3	-0.5	17.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,521 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-4.5	-14.7	-2.1	-65.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	136,747 (6.0)	30.3	34.7	22.8	-75.2	8.1	11.8	2.8	2.6	3.3	6.4	42.8	35.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	32,225 (1.4)	34.6	12.0	10.4	41.2	17.5	25.5	2.1	2.2	-1.5	0.8	8.3	-14.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,158 (0.1)	45.4	16.7	15.4	10.7	20.3	20.3	3.2	2.9	-1.2	-1.7	1.3	-10.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	033 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	3.1	-1.2	-0.6	9.2
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	366,840 (16.0)	0.0	20.6	17.1	15.6	25.0	25.9	4.6	4.0	-0.8	-4.1	8.1	82.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.